TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NGÃ NĂM** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 151/2023/DS-ST

Ngày: 30 - 11 - 2023.

"V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trúc Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Tân.

Bà Trần Thị Mỹ Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thuận Phát – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Hằng - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 199/2023/TLST-DS ngày 19 tháng 6 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 373/2023/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng TMCP PT**.

Địa chỉ: Số 25 B, NK, phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng TMCP PT: Ông Phan Thành T. Địa chỉ liên hệ: Số 27-29 đường M, khóm M, phường M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- *Bị đơn:*

1. Ông **Trần Văn A**, sinh năm 1974. (vắng mặt)

2. Bà **Dương Thị K**, sinh năm 1977. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp MĐ, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 16/12/2020 Ngân hàng TMCP PT (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) có cho ông Trần Văn A và bà Dương Thị K vay số tiền 600.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 43245/20MN/HĐTD, Khế ước nhận nợ số 43245/20MN/HĐTD/KUNN02, ngày 17/12/2021 và hạn mức tín dụng 60.000.000 đồng theo Tờ trình cấp thẻ tín dụng số L211124052037057, ngày 24/11/2021; Thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 18/12/2021 đến ngày 17/12/2022; Mục đích cho vay: Bổ sung vốn chăn nuôi; Lãi suất vay trong hạn: 11%/năm, lãi suất nợ gốc quá hạn: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, lãi suất chậm trả lãi: 10%/năm.

Để đảm bảo khoản vay thì ông A và bà K có ký với Ngân hàng TMCP PT Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0031/19PGDNN/HĐBĐ, ngày 16/05/2019 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 0031/19PGDNN/HĐBĐ/PL01, ngày 16/12/2020 tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa 427, tờ bản đồ số 12, diện tích 4.302m^2, tọa lạc: ấp MĐ, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng do ủy ban nhân dân huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Văn A và bà Dương Thị K ngày 29/01/2013; Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa 445, tờ bản đồ số 12, diện tích 11.430m^2, tọa lạc: ấp MĐ, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng do ủy ban nhân dân thị xã N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Văn A và bà Dương Thị K ngày 08/6/2015.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông A và bà K đã nhiều lần vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo như các bên thỏa thuận. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc yêu cầu ông A và bà K trả nợ nhưng phía ông A và bà K vẫn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng. Tính đến ngày 30/11/2023 ông A và bà K còn nợ Ngân hàng tổng số tiền vay theo hợp đồng tín dụng và thẻ tín dụng là 824.254.325 đồng, trong

đó tiền vốn gốc vay tín dụng là 599.944.985 đồng, tiền lãi trong hạn là 35.684.521 đồng, tiền lãi quá hạn 120.253.719 đồng và tiền nợ vốn thẻ tín dụng là 42.395.482 đồng, tiền lãi trong hạn là 19.280.664 đồng, tiền lãi quá hạn 6.694.954 đồng.

Nay Ngân hàng TMCP PT yêu cầu buộc ông Trần Văn A và bà Dương Thị K phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 30/11/2023 là 824.254.325 đồng, trong đó tiền vốn gốc vay tín dụng là 599.944.985 đồng, tiền lãi trong hạn là 35.684.521 đồng, tiền lãi quá hạn 120.253.719 đồng và tiền nợ vốn thẻ tín dụng là 42.395.482 đồng, tiền lãi trong hạn là 19.280.664 đồng, tiền lãi quá hạn 6.694.954 đồng. Đồng thời, yêu cầu tiếp tục tính lãi trên số tiền nợ gốc kể từ ngày 01/12/2023 cho đến khi ông A và bà K trả hết nợ với lãi suất theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký.

Trường hợp phía ông A và bà K không có khả năng trả nợ thì đề nghị phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp để Ngân hàng thu hồi nợ.

2/ Tại biên bản lấy lời khai đương sự ngày 16/8/2023 bị đơn ông Trần Văn A trình bày:

Ông thừa nhận vợ chồng ông có vay tiền của Ngân hàng TMCP PT phòng giao dịch Ngã Năm, số tiền 600.000.000 đồng, mục đích vay để chăn nuôi heo và cá, vay vào năm 2017 và sau đó đáo hạn lại nhiều lần. Để đảm bảo số tiền vay ông có thế chấp 02 quyền sử dụng đất diện tích 11.430m^2, thửa 445 và phần đất diện tích 4.302m^2, thửa 427, cùng tọa lạc: ấp MĐ, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng và có vay thẻ tín dụng là 60.000.000 đồng.

Nhưng hiện do khó khăn nên xin trả dần trong vòng 04 tháng trả hết nợ thẻ tín dụng, còn số tiền vay còn lại xin trả trong vòng 03 kỳ mỗi kỳ 04 tháng sẽ trả dứt nợ. Trường hợp không thực hiện được ông xin giao tài sản thế chấp cho Ngân hàng để phát mãi. Các phần đất hiện vợ chồng ông đang canh tác.

3/ Đối với bị đơn bà Dương Thị K: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn biết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn nhưng không có văn bản trả lời, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và cũng không cung cấp chứng cứ cho Tòa án.

4/ Tại phiên tòa, vị Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng và đầy đủ các quy định về xác định thẩm quyền, thu thập chứng cứ, yêu cầu đương sự cung cấp chứng cứ, thủ tục tống đạt văn bản tố tụng, thời hạn chuẩn bị xét xử; Đồng thời tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) và Thư ký tuân thủ trình tự tố tụng tại phiên tòa, các đương sự đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình tại phiên tòa.

Về nội dung: đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu các bị đơn trả tiền vay tín dụng còn nợ nên HĐXX xác định đây là vụ án dân sự "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Đồng thời, các bị đơn có địa chỉ cư trú tại ấp MĐ, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa vắng mặt các bị đơn. Tòa án đã tống đạt hợp lệ lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, HĐXX căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án: xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc các bị đơn trả số tiền nợ gốc tính đến ngày 30/11/2023 là 599.944.985 tiền vay tín dụng và 42.395.482 tiền vay thẻ tín dụng:

Nhận thấy, theo hợp đồng tín dụng số 43245/20MN/HĐTD, ngày 16/12/2020 và Khế ước nhận nợ số 43245/20MN/HĐTD/KUNN02, ngày 17/12/2021 nguyên đơn có cho các bị đơn vay số tiền là 600.000.000 đồng. Mục đích bổ sung vốn chăn nuôi; Thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 18/12/2021 đến ngày 17/12/2022; và Tờ trình cấp thẻ tín dụng số L211124052037057, ngày 24/11/2021 vay số tiền 60.000.000 đồng.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng các bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Cụ thể đến hạn thanh toán nợ gốc nhưng các bị đơn vẫn không trả cho nguyên đơn đã phát sinh nợ quá hạn. Xét thấy, việc các bị đơn không thực hiện nghĩa

vụ thanh toán cho nguyên đơn tiền nợ gốc như thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ các bên thỏa thuận tại Điều 5 và Điều 6 của Hợp đồng tín dụng.

Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu các bị đơn trả số tiền nợ gốc tính đến ngày 30/11/2023 với tổng số tiền là 642.340.467 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng nên HĐXX chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tính lãi trên tiền vốn gốc còn nợ tính đến ngày 30/11/2023:

Nhận thấy, theo hợp đồng tín dụng số 43245/20MN/HĐTD, ngày 16/12/2020 và Khế ước nhận nợ số 43245/20MN/HĐTD/KUNN02, ngày 17/12/2021 các bên thỏa thuận lãi suất vay 11%/năm; lãi suất nợ lãi trả chậm: 10%/năm; Lãi suất nợ gốc quá hạn: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Xét thấy, theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự và khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng "*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.*" và hướng dẫn tại Điều 7, Điều 8 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Nên đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc tính lãi suất theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng là phù hợp nên HĐXX chấp nhận. Do đó, tiền lãi Bảng tổng hợp gốc lãi đến ngày 30/11/2023 do nguyên đơn cung cấp cụ thể lãi suất được tính như sau: tiền vốn gốc vay tín dụng là 599.944.985 đồng, tiền lãi trong hạn là 35.684.521 đồng, tiền lãi quá hạn 120.253.719 đồng và tiền nợ vốn thẻ tín dụng là 42.395.482 đồng, tiền lãi trong hạn là 19.280.664 đồng, tiền lãi quá hạn 6.694.954 đồng là phù hợp nên HĐXX chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc phát mãi tài sản thế chấp, nhận thấy:

Các bị đơn có ký với Ngân hàng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0031/19PGDNN/HĐBĐ, ngày 16/05/2019 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 0031/19PGDNN/HĐBĐ/PL01, ngày 16/12/2020 tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa 427, tờ bản đồ số 12, diện tích 4.302m^2, tọa lạc: ấp MĐ, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng do ủy ban nhân dân huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Văn A và bà Dương Thị K ngày 29/01/2013; Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa 445, tờ bản đồ số 12, diện tích 11.430m^2, tọa lạc: ấp MĐ, xã M, thị xã N,

tỉnh Sóc Trăng do ủy ban nhân dân thị xã N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Văn A và bà Dương Thị K ngày 08/6/2015. Đồng thời, hợp đồng thế chấp tài sản được chứng thực và có đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Do đó, nguyên đơn yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ trong trường hợp các bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Điều 299 của Bộ luật Dân sự.

[5] Về chi phí thẩm định tài sản thế chấp tổng số tiền là 750.000 đồng. Do yêu cầu nguyên đơn được chấp nhận nên các bị đơn phải chịu theo quy định tại Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, do nguyên đơn đã nộp tạm ứng trước để làm thủ tục tố tụng, do đó buộc các bị đơn có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 750.000 đồng.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên các bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn không phải chịu án phí.

[7] Xét đề nghị của vị Kiểm sát viên về hướng giải quyết vụ án nêu trên là có căn cứ và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án nên HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 157, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 299, khoản 1, khoản 5 Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 167 Luật đất đai;

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP PT.

Buộc các bị đơn ông Trần Văn A và bà Dương Thị K có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP PT tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 30/11/2023 là 824.254.325 đồng (*tám trăm hai mươi bốn triệu hai trăm năm mươi bốn ngàn ba trăm hai mươi lăm đồng*), trong đó tiền vốn gốc vay tín dụng là 599.944.985 đồng, tiền lãi trong hạn là 35.684.521 đồng, tiền lãi quá hạn 120.253.719 đồng và tiền nợ vốn thẻ tín dụng là 42.395.482 đồng, tiền lãi trong hạn là 19.280.664 đồng, tiền lãi quá hạn 6.694.954 đồng.

Kể từ ngày 01/12/2023 cho đến khi ông Trần Văn A và bà Dương Thị K thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP PT, thì hàng tháng ông A và bà K còn phải chịu tiền lãi phát sinh trên số vốn gốc còn nợ theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 43245/20MN/HĐTD, ngày 16/12/2020, Khế ước nhận nợ số 43245/20MN/HĐTD/KUNN02, ngày 17/12/2021 và Tờ trình cấp thẻ tín dụng số L211124052037057 ngày 24/11/2021

Trường hợp ông Trần Văn A và bà Dương Thị K không thanh toán hoặc thanh toán không hết nợ thì Ngân hàng TMCP PT được quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm xử lý các tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0031/19PGDNN/HĐBĐ, ngày 16/05/2019 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 0031/19PGDNN/HĐBĐ/PL01, ngày 16/12/2020 tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa 427, tờ bản đồ số 12, diện tích 4.302m^2, tọa lạc: ấp MĐ, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng do ủy ban nhân dân huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Văn A và bà Dương Thị K ngày 29/01/2013; Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa 445, tờ bản đồ số 12, diện tích 11.430m^2, tọa lạc: ấp MĐ, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng do ủy ban nhân dân thị xã N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Văn A và bà Dương Thị K ngày 08/6/2015.

2/ Về chi phí thẩm định tài sản thế chấp : buộc các bị đơn ông Trần Văn A và bà Dương Thị K có nghĩa vụ hoàn trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP PT số tiền 750.000 đồng (*bảy trăm năm mươi ngàn đồng*).

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc các bị đơn ông Trần Văn A và bà Dương Thị K phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 36.727.630 đồng (*ba mươi sáu triệu bảy trăm hai mươi bảy ngàn sáu trăm ba mươi đồng*)

- Nguyên đơn Ngân hàng TMCP PT không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP PT số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 16.983.000 đồng (*mười sáu triệu chín trăm tám mươi ba ngàn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0009295 ngày 14/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm.

4/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn nêu trên được tính kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Lê Trúc Phương